

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/KDTM-PT

Ngày: 19-11-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Văn Quán

2. Ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2021/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y.

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp H – H1 3, ấp H2, xã H3, huyện H1, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Công H4 - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 52/3B, đường Đ1 27, phường Đ1, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2020).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Liên doanh T.

Địa chỉ trụ sở: Lô M.01, đường T1, Khu công nghiệp H5, xã H5, huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc D - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số 498/44, đường C, Phường 3, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 19/3/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đinh Quang L – Công ty Luật TNHH G1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà IMM, số 99-101, đường Nguyễn Đình C1, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Ngọc D là người đại diện theo pháp luật của bị đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Liên doanh T.

(Bà M và Luật sư L có mặt;

Ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 24/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đình Đ là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y trình bày:*

Ngày 02/01/2018, Công ty TNHH Y (gọi tắt là Công ty Y) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Liên doanh T (gọi tắt là Công ty T) thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 10/2018/HĐM-PYE, đối tượng của Hợp đồng mua bán này là thùng carton 3 lớp và 5 lớp. Công ty Y cam kết đảm bảo đúng số lượng và chất lượng hàng hóa theo đúng yêu cầu về chủng loại, quy cách, in ấn trên thùng carton mẫu có chữ ký xác nhận của Công ty T. Căn cứ các phiếu xuất kho, giao nhận hàng giữa hai bên thể hiện Công ty Y đã thực hiện việc giao hàng đúng số lượng, chất lượng hàng hóa theo đúng yêu cầu về chủng loại, quy cách cho Công ty T. Khi thanh toán tiền có xuất hóa đơn giá trị gia tăng bên mua hàng Công ty T và bên bán hàng Công ty Y đều có ký tên xác nhận đầy đủ.

Tuy nhiên, về phía Công ty T lại không thực hiện đúng thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán, cố tình trì hoãn việc trả tiền hàng cho Công ty Y Căn cứ các Bản đối chiếu công nợ và xác nhận nợ vào các ngày 31/10/2018, 30/11/2018, 31/12/2018, 31/01/2019, 23/9/2019, 10/3/2020 và 31/10/2020. Theo Biên bản đối chiếu và xác nhận nợ ngày 31/10/2020, bà Lâm Ngọc T2 – Tổng Giám đốc Công ty T thừa nhận còn nợ của Công ty Y tính đến ngày 31/10/2020 tổng cộng số tiền là 1.740.535.687 đồng.

Do đó Công ty Y khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty Y số tiền còn nợ tính đến ngày 22 tháng 3 năm 2021 là 2.440.671.979 đồng (trong đó, nợ gốc 1.740.535.687 đồng và nợ lãi 700.136.292 đồng). Đồng

thời, yêu cầu Công ty T phải thực hiện trả nợ ngay sau khi bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Thiều Thị Kiều Thu là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH Liên doanh T trình bày:*

Việc Công ty Y yêu cầu Công ty T phải thanh toán tổng cộng 2.356.995.734 đồng gồm 1.740.353.687 đồng tiền nợ gốc và 616.460.047 đồng tiền lãi chậm trả tạm tính đến thời điểm khởi kiện thì Công ty T không đồng ý. Công ty T đồng ý thanh toán cho Công ty TNHH Y 1.740.353.687 đồng tiền nợ gốc nhưng phải có thời gian và phương thức trả. Nếu Công ty Y không đồng ý để cho Công ty T trả 1.740.353.687 đồng tiền nợ gốc thì đề nghị Tòa án cho đối chiếu công nợ, các chứng từ, tài liệu liên quan đến việc mua bán hàng hóa giữa hai Công ty.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 22/3/2021, Tòa án nhân dân huyện G đã căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 4, 24, 50, 55 và 306 của Luật Thương mại năm 2005 và Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Y đối với Công ty TNHH liên doanh T.

Buộc Công ty TNHH liên doanh T phải trả cho Công ty TNHH Y số tiền 2.440.671.979 (Hai tỷ bốn trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn chín trăm bảy mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 37/2020/QĐ-BPKCTT ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G tiếp tục có hiệu lực pháp luật đến khi có Quyết định khác thay thế.

Về án phí: Công ty TNHH liên doanh T phải chịu 80.813.500 (Tám mươi triệu tám trăm mười ba nghìn năm trăm) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Y số tiền 39.569.957 đồng, đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008705, ngày 26/11/2020, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 06/4/2021, bà Nguyễn Thị Ngọc D là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty T kháng cáo không đồng ý bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, cụ thể:

- Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phía bị đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Công ty T không đồng ý trả cho Công ty Y tổng cộng số tiền 2.440.671.979 đồng gồm 1.740.353.687 đồng tiền nợ gốc và 700.136.292 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Nguyễn Thị Trà M là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty T có ý kiến trình bày: Công ty T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đối với Biên bản đối chiếu và xác nhận nợ ngày 31/10/2020 do bà Lâm Ngọc T2 – Tổng Giám đốc Công ty T ký và đóng dấu, đây chỉ ghi nhận chứ không phải xác nhận nợ và đối chiếu công nợ chính thức vì lúc đó hai bên chỉ đang trong quá trình làm việc.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Luật sư Đinh Quang Lphát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể: Bà T4 và bà C2 là người được Công ty T ủy quyền tham gia tố tụng lúc đầu không được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất hợp lệ; Kể từ ngày 01/3/2021, bà M được Công ty T ủy quyền tham gia tố tụng nhưng bà M vẫn không nhận được Giấy triệu tập hay thông báo về việc tham gia phiên tòa ngày 22/3/2021; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty T cũng không nhận được Giấy triệu tập hay thông báo về việc tham gia phiên tòa ngày 22/3/2021. Như vậy, Tòa án sơ thẩm đã không tổng đạt hợp lệ và vi phạm về thời gian gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho phía Công ty T, từ đó xét xử vắng mặt Công ty T là gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T, vi phạm này là không thể khắc phục được.

- Về nội dung vụ án: Tòa sơ thẩm xác định khoảng thời gian Công ty T chịu lãi quá hạn tính từ ngày 45 kể từ ngày trên hóa đơn đối với mỗi khoản công nợ cho đến ngày 10/3/2020 là chưa phù hợp, vì theo quy định về hợp đồng nguyên tắc thì thời hạn thanh toán của Công ty T chỉ bắt đầu tính từ ngày tiếp theo ngày Công ty T nhận được đồng thời là hàng hóa và bộ chứng từ thanh toán, trong đó có hóa đơn giá trị gia tăng từ Công ty Y. Do đó nghĩa vụ trả lãi thanh toán quá hạn của Công ty T chỉ phát sinh từ ngày thứ 47 kể từ ngày Công ty T nhận được đồng thời là hàng hóa và bộ chứng từ thanh toán, trong đó có hóa đơn giá trị gia tăng từ Công ty Y. Tòa án sơ thẩm phải căn cứ thêm thời điểm giao hàng được Công ty T xác nhận; Về lãi suất chậm thanh toán được xác định 1.5%/tháng là chưa đúng thỏa thuận của các bên, do các biên bản đối chiếu xác nhận nợ không phải do người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của Công ty T ký xác nhận và thay đổi lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng, nên không thể căn cứ vào đó để áp dụng làm căn cứ tính lãi suất quá hạn đối với Công ty T. Còn đối với

Biên bản đối chiếu và xác nhận nợ ngày 31/10/2020 do bà Lâm Ngọc T2 – Tổng Giám đốc Công ty T ký và đóng dấu, phía Công ty T xác định chỉ xác nhận số nợ gốc 1.740.535.687đ, còn về tiền lãi là không có xác nhận, bà T2 chỉ ký để ghi nhận và về đối chiếu lại thôi.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty T, hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH liên doanh T thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

Đối với kháng cáo về thủ tục tố tụng: không có đủ căn cứ để xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc cấp, tổng đạt và bàn giao các văn bản tố tụng không phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể: theo hồ sơ thể hiện các lần tổng đạt để mở phiên tòa đều có người nhận nhưng không đồng ý ký tên (các bút lục 170, 172, 173, 180), cụ thể hơn là tại phiên tòa mở ngày 03/3/2021 phía bị đơn đã nhận được văn bản tổng đạt mở phiên tòa và đã có làm văn bản xin hoãn phiên tòa; phiên tòa ngày 22/3/2021 do nhân viên của Văn phòng Luật sư (bảo vệ quyền lợi cho bị đơn) Vũ Thị Ngọc D đã nhận ký tên và cam kết giao lại – điểm này phù hợp với trình bày của phía bị đơn (bị đơn và Luật sư) tại phiên tòa phúc thẩm là có thống nhất đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt văn bản tố tụng tại văn phòng Luật sư để không bị thất lạc, phía Luật sư của bị đơn cũng thừa nhận người có họ tên Vũ Thị Ngọc D là nhân viên của Công ty Luật TNHH G1.

Đối với kháng cáo về nội dung vụ án: Phía bị đơn trình bày vào thời điểm ký kết các Biên bản đối chiếu và xác nhận nợ ngày 31/10/2018, 30/11/2018, 31/12/2018) ông T2 và bà R đều không phải là người đại diện theo pháp luật và đồng thời cũng không phải là người được ủy quyền hợp pháp bởi Công ty T nhưng hồ sơ còn thể hiện một chứng cứ khác đó là chữ ký xác nhận nợ của bà Lâm Ngọc T2 có đóng con dấu của Công ty T ngày 31/10/2020. Tại phiên tòa, đại diện phía bị đơn cũng thừa nhận chữ ký của bà T2 và con dấu của Công ty nhưng lại trình bày là ký để đối chiếu lại chứ không phải ký để xác nhận nợ. Trình bày này là không có

căn cứ chấp nhận vì trước khi ký bà T2 ghi rất rõ ràng dòng chữ “Xác nhận: đến 31/10/2020 T còn nợ Y số tiền: 1.740.535.687 đồng”, đồng thời tại Biên bản hòa giải ngày 12/01/2021 phía đại diện bị đơn có trình bày là có thiện chí đồng ý thanh toán số tiền 1.740.535.687 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định số nợ gốc còn nợ đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 1.740.535.687 đồng. Về thời hạn tính lãi suất chậm trả và mức lãi suất áp dụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tính thời hạn đúng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Dân sự và mức lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Từ những điểm trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc D là người đại diện theo pháp luật của bị đơn - Công ty TNHH liên doanh T thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn:

Ngày 12/11/2021, ông Nguyễn Đình Đ là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Y có đơn đề nghị xét xử vắng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Liên doanh T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 04/12/2020, bà Lâm Ngọc T2 – Tổng Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh T ủy cho bà Huỳnh Thị Kim C2 và bà Thiều Thị Kiều T4 (địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Văn phòng IMM Group, 99-101, đường C1, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) tham gia tố tụng trong vụ án này.

Ngày 29/01/2021, Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-KDTM, theo Quyết định này thì Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử vụ án này vào ngày 18/02/2021. Tuy nhiên, do Hội thẩm nhân dân bận công tác đột xuất nên ngày 17/02/2021, Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo số 22/TB-TA dời phiên tòa xét xử vụ án này sang ngày 03/3/2021.

Sau đó, Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy báo phiên tòa và Thông báo dời ngày mở phiên tòa cho bà T3 và Luật sư Đinh Quang L.

Đến ngày 01/3/2021, bà Nguyễn Thị Ngọc D là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Liên doanh T có đơn yêu cầu hoãn phiên tòa ngày 03/3/2021.

Ngày 03/3/2021, Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-KDTM mở lại phiên tòa ngày 12/3/2021. Cũng trong ngày 03/3/2021, Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt Quyết định này cho Công ty TNHH Liên doanh T, nhân viên Công ty nhận Quyết định nhưng không ký tên với lý do Công ty TNHH Liên doanh T đã đổi thành Công ty TNHH T. Tòa án cấp sơ thẩm có lập Biên bản về việc không tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng được, có người chứng kiến và có xác nhận của Đoàn Công an Khu Công nghiệp Long Hậu.

Ngày 12/3/2021, Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-KDTM mở lại phiên tòa ngày 22/3/2021. Ngày 19/3/2021, Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt Quyết định này cho người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Liên doanh T và Luật sư Đinh Quang L do bà Vũ Thị Ngọc D (địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Văn phòng IMM Group, 99-101, đường Nguyễn Đình C1, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) là nhân viên của Công ty Luật TNHH G1 nhận thay và cam kết giao lại. Tòa án cấp sơ thẩm có lập Biên bản có người chứng kiến, bà D có ký tên và có xác nhận của UBND Phường 6. Cũng trong ngày 19/3/2021, bà Nguyễn Thị Ngọc D là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Liên doanh T có Văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Trà M tham gia tố tụng trong vụ án này nhưng không có Văn bản hủy bỏ ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Kim C2 và bà Thiều Thị Kiều T4 ngày 04/12/2020.

Do phía bị đơn và Luật sư Đinh Quang L đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn và Luật sư Đinh Quang L là đúng. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, phía bị đơn có đơn kháng cáo, đơn này đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Như vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vẫn được đảm bảo. Do đó, việc phía bị đơn và Luật sư Đinh Quang L đề nghị hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án này ở Tòa án cấp sơ thẩm, phía bị đơn không có thiện chí hợp tác, gây khó khăn trong công tác tổng đạt Văn bản tố tụng của Tòa án với mục đích nhằm kéo dài việc giải quyết vụ án.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Về số tiền nợ gốc:

Ngày 02/01/2018, Công ty TNHH Y với Công ty TNHH Liên doanh T thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 10/2018/HĐM-PYE, đối tượng của Hợp đồng mua bán này là thùng carton 3 lớp và 5 lớp. Công ty TNHH Y cam kết đảm bảo đúng số lượng và chất lượng hàng hóa theo đúng yêu cầu về chủng loại, quy cách, in ấn trên thùng carton mẫu có chữ ký xác nhận của Công ty TNHH Liên

doanh T. Căn cứ các phiếu xuất kho, giao nhận hàng giữa hai bên thể hiện Công ty TNHH Y đã thực hiện việc giao hàng đúng số lượng, chất lượng hàng hóa theo đúng yêu cầu về chủng loại, quy cách cho Công ty TNHH Liên doanh T. Khi thanh toán tiền có xuất hóa đơn giá trị gia tăng bên mua hàng Công ty TNHH Liên doanh T và bên bán hàng Công ty TNHH Y đều có ký tên xác nhận đầy đủ. Mặt khác, giữa Công ty TNHH Liên doanh T với Công ty TNHH Y đã thực hiện việc đối chiếu công nợ và xác nhận nợ vào các ngày 31/10/2018, 30/11/2018, 31/12/2018, 31/01/2019, 23/9/2019, 10/3/2020 và 31/10/2020. Theo Biên bản đối chiếu và xác nhận nợ ngày 31/10/2020, bà Lâm Ngọc T2 – Tổng Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh T thừa nhận còn nợ của Công ty TNHH Y tính đến ngày 31/10/2020 tổng cộng số tiền là 1.740.535.687 đồng. Sự thừa nhận nợ này phù hợp với tổng số tiền trong các hóa đơn, chứng từ do phía Công ty TNHH Y cung cấp là 1.740.535.687 đồng là tiền gốc. Các phiếu xuất kho, hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản chi tiết tính lãi quá hạn, biên bản đối chiếu và xác nhận nợ, Công ty TNHH Y cung cấp bản chính và đã được Tòa án đối chiếu bản chính là phù hợp với Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc Công ty TNHH Liên doanh T có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Y tổng cộng 1.740.535.687 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ.

[3.2.2] Về tiền lãi quá hạn tính từ ngày 22/9/2018 đến ngày 10/3/2020: Theo nội dung Hợp đồng mua bán hàng hóa số 10/2018/HĐM-PYE ngày 02/01/2018, hai bên thỏa thuận nếu Công ty TNHH Liên doanh T để nợ quá hạn thanh toán kể từ ngày đến hạn thì Công ty TNHH Liên doanh T sẽ chịu số tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố theo từng thời điểm. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì các bên đã thỏa thuận lại lãi suất là 1,5%/tháng thể hiện tại Bảng kê chi tiết tính lãi quá hạn ngày 10/3/2020 (Bút lục số 288, 289) và Biên bản đối chiếu và xác nhận nợ ngày 31/10/2020 là phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại. Do đó, buộc Công ty TNHH Liên doanh T trả cho Công ty TNHH Y số tiền lãi quá hạn, tính từ ngày vi phạm cho đến ngày 10/3/2020 trên số tiền gốc là 1.954.786.261 đồng, cụ thể như sau:

**BẢNG KÊ CHI TIẾT NỢ VÀ TÍNH LÃI QUÁ HẠN LÃI SUẤT 1,5%/THÁNG
TỪ NĂM 2018 ĐẾN NGÀY 10/03/2020**

Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Giá trị hóa đơn - NỢ GỐC từ năm 2018 đến ngày 05/10/2020	Số ngày nợ không tính lãi	Tính lãi tỷ lệ 18%/ năm				Giá trị hóa đơn - NỢ GỐC từ Ngày 06/10/2020 đến nay
				Ngày bắt đầu tính lãi	Ngày kết thúc tính lãi	Số ngày quá hạn	Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 10/03/2020	
9/22/2018	3487	16,663,198	45	11/6/2018	3/10/2020	490	4,082,484	
9/24/2018	3492	48,021,600	45	11/8/2018	3/10/2020	488	11,717,270	
9/24/2018	3494	75,481,186	45	11/8/2018	3/10/2020	488	18,417,409	

9/24/2018	3495	44,688,600	45	11/8/2018	3/10/2020	488	10,904,018	
9/26/2018	3524	26,266,812	45	11/10/2018	3/10/2020	486	6,382,835	
9/29/2018	3582	17,113,382	45	11/13/2018	3/10/2020	483	4,132,882	13,984,204
9/29/2018	3583	9,672,410	45	11/13/2018	3/10/2020	483	2,335,887	9,672,410
9/29/2018	3589	31,668,208	45	11/13/2018	3/10/2020	483	7,647,872	31,668,208
9/29/2018	3590	11,142,813	45	11/13/2018	3/10/2020	483	2,690,989	11,142,813
10/4/2018	3643	37,038,859	45	11/18/2018	3/10/2020	478	8,852,287	37,038,859
10/5/2018	3653	43,549,000	45	11/19/2018	3/10/2020	477	10,386,437	43,549,000
10/9/2018	3694	24,567,213	45	11/23/2018	3/10/2020	473	5,810,146	24,567,213
10/10/2018	3703	4,730,000	45	11/24/2018	3/10/2020	472	1,116,280	4,730,000
10/17/2018	3798	51,969,225	45	12/1/2018	3/10/2020	465	12,082,845	51,969,225
10/18/2018	3802	14,745,588	45	12/2/2018	3/10/2020	464	3,420,976	14,745,588
10/22/2018	3843	11,770,000	45	12/6/2018	3/10/2020	460	2,707,100	11,770,000
10/25/2018	3890	55,319,000	45	12/9/2018	3/10/2020	457	12,640,392	55,319,000
10/25/2018	3896	15,610,023	45	12/9/2018	3/10/2020	457	3,566,890	15,610,023
10/26/2018	3906	21,243,134	45	12/10/2018	3/10/2020	456	4,843,435	21,243,134
10/29/2018	3936	80,916,924	45	12/13/2018	3/10/2020	453	18,327,683	80,916,924
10/29/2018	3939	35,192,300	45	12/13/2018	3/10/2020	453	7,971,056	35,192,300
10/31/2018	3970	88,486,860	45	12/15/2018	3/10/2020	451	19,953,787	88,486,860
11/1/2018	3981	28,920,144	45	12/16/2018	3/10/2020	450	6,507,032	28,920,144
11/1/2018	3983	7,843,000	45	12/16/2018	3/10/2020	450	1,764,675	7,843,000
11/3/2018	4005	35,603,139	45	12/18/2018	3/10/2020	448	7,975,103	35,603,139
11/3/2018	4006	9,500,909	45	12/18/2018	3/10/2020	448	2,128,204	9,500,909
11/5/2018	4013	20,818,875	45	12/20/2018	3/10/2020	446	4,642,609	20,818,875
11/5/2018	4023	88,653,400	45	12/20/2018	3/10/2020	446	19,769,708	88,653,400
11/6/2018	4036	3,993,000	45	12/21/2018	3/10/2020	445	888,443	3,993,000
11/6/2018	4037	42,277,400	45	12/21/2018	3/10/2020	445	9,406,722	42,277,400
11/9/2018	4077	63,670,750	45	12/24/2018	3/10/2020	442	14,071,236	63,670,750
11/9/2018	4085	101,733,500	45	12/24/2018	3/10/2020	442	22,483,104	101,733,500
11/13/2018	4129	27,789,311	45	12/28/2018	3/10/2020	438	6,085,859	27,789,311
11/14/2018	4141	18,962,790	45	12/29/2018	3/10/2020	437	4,143,370	18,962,790
11/15/2018	4156	9,347,899	45	12/30/2018	3/10/2020	436	2,037,842	9,347,899

11/22/2018	4247	17,754,660	45	1/6/2019	3/10/2020	429	3,808,375	17,754,660
11/24/2018	4279	33,090,585	45	1/8/2019	3/10/2020	427	7,064,840	33,090,585
11/24/2018	4280	82,654,583	45	1/8/2019	3/10/2020	427	17,646,753	82,654,583
11/28/2018	4339	45,870,517	45	1/12/2019	3/10/2020	423	9,701,614	45,870,517
11/30/2018	4370	62,525,848	45	1/14/2019	3/10/2020	421	13,161,691	62,525,848
12/4/2018	4427	1,320,000	45	1/18/2019	3/10/2020	417	275,220	1,320,000
12/5/2018	4433	14,694,570	45	1/19/2019	3/10/2020	416	3,056,471	14,694,570
12/7/2018	4462	24,824,811	45	1/21/2019	3/10/2020	414	5,138,736	24,824,811
12/7/2018	4463	16,325,397	45	1/21/2019	3/10/2020	414	3,379,357	16,325,397
12/7/2018	4464	20,062,648	45	1/21/2019	3/10/2020	414	4,152,968	20,062,648
12/11/2018	4500	16,486,470	45	1/25/2019	3/10/2020	410	3,379,726	16,486,470
12/13/2018	4527	22,390,157	45	1/27/2019	3/10/2020	408	4,567,592	22,390,157
12/15/2018	4560	29,382,859	45	1/29/2019	3/10/2020	406	5,964,720	29,382,859
12/18/2018	4589	46,642,288	45	2/1/2019	3/10/2020	403	9,398,421	46,642,288
12/19/2018	4602	23,577,015	45	2/2/2019	3/10/2020	402	4,738,980	23,577,015
12/19/2018	4603	1,562,000	45	2/2/2019	3/10/2020	402	313,962	1,562,000
12/21/2018	4627	23,020,756	45	2/4/2019	3/10/2020	400	4,604,151	23,020,756
12/22/2018	4646	42,982,665	45	2/5/2019	3/10/2020	399	8,575,042	42,982,665
12/25/2018	4676	7,297,279	45	2/8/2019	3/10/2020	396	1,444,861	7,297,279
12/31/2018	4750	10,584,530	45	2/14/2019	3/10/2020	390	2,063,983	10,584,530
1/2/2019	4764	10,497,652	45	2/16/2019	3/10/2020	388	2,036,544	10,497,652
1/7/2019	4818	15,485,008	45	2/21/2019	3/10/2020	383	2,965,379	15,485,008
1/9/2019	4858	40,862,283	45	2/23/2019	3/10/2020	381	7,784,265	40,862,283
1/11/2019	4886	5,153,036	45	2/25/2019	3/10/2020	379	976,500	5,153,036
1/15/2019	4928	36,128,202	45	3/1/2019	3/10/2020	375	6,774,038	36,128,202
1/22/2019	10	4,747,050	45	3/8/2019	3/10/2020	368	873,457	4,747,050
1/28/2019	70	21,152,340	45	3/14/2019	3/10/2020	362	3,828,574	21,152,340
2/27/2019	276	9,890,100	45	4/13/2019	3/10/2020	332	1,641,757	9,890,100
3/4/2019	326	31,047,500	45	4/18/2019	3/10/2020	327	5,076,266	31,047,500
3/11/2019	407	11,803,000	45	4/25/2019	3/10/2020	320	1,888,480	11,803,000
CỘNG		1,954,786,261					428,177,591	1,740,535,687

Như vậy, tổng số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 22/9/2018 đến ngày 10/3/2020 là 428.177.591 đồng.

[3.2.3] Về tiền lãi quá hạn tính từ ngày 11/3/2020 đến ngày 22/3/2021 (ngày xét xử sơ thẩm):

Xét theo Biên bản đối chiếu và xác nhận nợ ngày 31/10/2020 thì thể hiện Công ty TNHH Liên doanh T xác nhận còn nợ của Công ty TNHH Y số tiền 1.740.535.687 đồng nhưng không có thỏa thuận về mức lãi suất đối với số tiền lãi quá hạn. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Y yêu cầu tính số tiền lãi quá hạn từ ngày 11/3/2020 đến ngày 22/3/2020 theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời hạn chậm trả trên số tiền gốc 1.740.535.687 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại nên được chấp nhận.

Mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng tại thời điểm thanh toán năm 2021 gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) lãi suất cho vay 10%/năm; Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) lãi suất cho vay 10%/năm; Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam (Vietinbank) lãi suất cho vay 10%/năm $(10 + 10 + 10) : 3 \times 150\% = 15\%/năm : 12 \text{ tháng} = 1,25\%/tháng$. Do đó, buộc Công ty TNHH Liên doanh T trả cho Công ty TNHH Y số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 11/3/2020 đến ngày 22/3/2020 theo mức lãi suất 1,25%/tháng trên số tiền gốc là 1.740.535.687 đồng, cụ thể như sau:

BẢNG KÊ CHI TIẾT NỢ VÀ TÍNH LÃI QUÁ HẠN LÃI SUẤT 1,25%/THÁNG TỪ 11/03/2020 ĐẾN NGÀY 22/03/2021

Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Giá trị hóa đơn - NỢ GỐC từ Ngày 06/10/2020 đến nay	Tính lãi tỷ lệ 1,25% tháng			
			Ngày bắt đầu tính lãi	Ngày kết thúc tính lãi	Số ngày quá hạn	Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 22/03/2021
9/29/2018	3582	13,984,204	3/11/2020	3/22/2021	375	2,185,032
9/29/2018	3583	9,672,410	3/11/2020	3/22/2021	375	1,511,314
9/29/2018	3589	31,668,208	3/11/2020	3/22/2021	375	4,948,158
9/29/2018	3590	11,142,813	3/11/2020	3/22/2021	375	1,741,065
10/4/2018	3643	37,038,859	3/11/2020	3/22/2021	375	5,787,322
10/5/2018	3653	43,549,000	3/11/2020	3/22/2021	375	6,804,531
10/9/2018	3694	24,567,213	3/11/2020	3/22/2021	375	3,838,627
10/10/2018	3703	4,730,000	3/11/2020	3/22/2021	375	739,063
10/17/2018	3798	51,969,225	3/11/2020	3/22/2021	375	8,120,191
10/18/2018	3802		3/11/2020	3/22/2021	375	

		14,745,588				2,303,998
10/22/2018	3843	11,770,000	3/11/2020	3/22/2021	375	1,839,063
10/25/2018	3890	55,319,000	3/11/2020	3/22/2021	375	8,643,594
10/25/2018	3896	15,610,023	3/11/2020	3/22/2021	375	2,439,066
10/26/2018	3906	21,243,134	3/11/2020	3/22/2021	375	3,319,240
10/29/2018	3936	80,916,924	3/11/2020	3/22/2021	375	12,643,269
10/29/2018	3939	35,192,300	3/11/2020	3/22/2021	375	5,498,797
10/31/2018	3970	88,486,860	3/11/2020	3/22/2021	375	13,826,072
11/1/2018	3981	28,920,144	3/11/2020	3/22/2021	375	4,518,773
11/1/2018	3983	7,843,000	3/11/2020	3/22/2021	375	1,225,469
11/3/2018	4005	35,603,139	3/11/2020	3/22/2021	375	5,562,990
11/3/2018	4006	9,500,909	3/11/2020	3/22/2021	375	1,484,517
11/5/2018	4013	20,818,875	3/11/2020	3/22/2021	375	3,252,949
11/5/2018	4023	88,653,400	3/11/2020	3/22/2021	375	13,852,094
11/6/2018	4036	3,993,000	3/11/2020	3/22/2021	375	623,906
11/6/2018	4037	42,277,400	3/11/2020	3/22/2021	375	6,605,844
11/9/2018	4077	63,670,750	3/11/2020	3/22/2021	375	9,948,555
11/9/2018	4085	101,733,500	3/11/2020	3/22/2021	375	15,895,859
11/13/2018	4129	27,789,311	3/11/2020	3/22/2021	375	4,342,080
11/14/2018	4141	18,962,790	3/11/2020	3/22/2021	375	2,962,936
11/15/2018	4156	9,347,899	3/11/2020	3/22/2021	375	1,460,609
11/22/2018	4247	17,754,660	3/11/2020	3/22/2021	375	2,774,166
11/24/2018	4279	33,090,585	3/11/2020	3/22/2021	375	5,170,404
11/24/2018	4280	82,654,583	3/11/2020	3/22/2021	375	12,914,779
11/28/2018	4339	45,870,517	3/11/2020	3/22/2021	375	7,167,268
11/30/2018	4370	62,525,848	3/11/2020	3/22/2021	375	9,769,664
12/4/2018	4427	1,320,000	3/11/2020	3/22/2021	375	206,250
12/5/2018	4433	14,694,570	3/11/2020	3/22/2021	375	2,296,027

12/7/2018	4462	24,824,811	3/11/2020	3/22/2021	375	3,878,877
12/7/2018	4463	16,325,397	3/11/2020	3/22/2021	375	2,550,843
12/7/2018	4464	20,062,648	3/11/2020	3/22/2021	375	3,134,789
12/11/2018	4500	16,486,470	3/11/2020	3/22/2021	375	2,576,011
12/13/2018	4527	22,390,157	3/11/2020	3/22/2021	375	3,498,462
12/15/2018	4560	29,382,859	3/11/2020	3/22/2021	375	4,591,072
12/18/2018	4589	46,642,288	3/11/2020	3/22/2021	375	7,287,858
12/19/2018	4602	23,577,015	3/11/2020	3/22/2021	375	3,683,909
12/19/2018	4603	1,562,000	3/11/2020	3/22/2021	375	244,063
12/21/2018	4627	23,020,756	3/11/2020	3/22/2021	375	3,596,993
12/22/2018	4646	42,982,665	3/11/2020	3/22/2021	375	6,716,041
12/25/2018	4676	7,297,279	3/11/2020	3/22/2021	375	1,140,200
12/31/2018	4750	10,584,530	3/11/2020	3/22/2021	375	1,653,833
1/2/2019	4764	10,497,652	3/11/2020	3/22/2021	375	1,640,258
1/7/2019	4818	15,485,008	3/11/2020	3/22/2021	375	2,419,533
1/9/2019	4858	40,862,283	3/11/2020	3/22/2021	375	6,384,732
1/11/2019	4886	5,153,036	3/11/2020	3/22/2021	375	805,162
1/15/2019	4928	36,128,202	3/11/2020	3/22/2021	375	5,645,032
1/22/2019	10	4,747,050	3/11/2020	3/22/2021	375	741,727
1/28/2019	70	21,152,340	3/11/2020	3/22/2021	375	3,305,053
2/27/2019	276	9,890,100	3/11/2020	3/22/2021	375	1,545,328
3/4/2019	326	31,047,500	3/11/2020	3/22/2021	375	4,851,172
3/11/2019	407	11,803,000	3/11/2020	3/22/2021	375	1,844,219
CỘNG		1,740,535,687				271,958,701

Như vậy, tổng tiền lãi quá hạn tính từ ngày 11/3/2020 đến ngày 22/3/2021 là 271.958.701 đồng.

[4] Từ nhận định ở đoạn [3], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Liên doanh T, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại

sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm về cách tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:

Công ty TNHH Liên doanh T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty TNHH Y được chấp nhận toàn bộ là: 72.000.000 đồng + 02% x (2.440.671.979 đồng – 2.000.000.000 đồng) = 80.813.500 đồng.

Công ty TNHH Liên doanh T phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Liên doanh T.
- Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 4, 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại năm 2005; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Y về việc yêu cầu Công ty TNHH Liên doanh T trả số tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH Liên doanh T phải trả cho Công ty TNHH Y 1.740.535.687 đồng tiền nợ gốc và 700.136.292 đồng tiền lãi, tổng cộng là 2.440.671.979 đồng (hai tỷ bốn trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 37/2020/QĐ-BPKCTT ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện G để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH Liên doanh T phải nộp 80.813.500 đồng (tám mươi triệu tám trăm mười ba nghìn năm trăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Y 39.569.957 đồng (ba mươi chín triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008705 ngày 26/11/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Buộc Công ty TNHH Liên doanh T phải nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008457 ngày 15/4/2021 và 1.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001252 ngày 21/5/2021 cùng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn

